TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **124**/2022/HS-ST
Ngày: 30-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường 3 - Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 627/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Thông báo dời phiên tòa số: 15/2022/TB-TA ngày 07 tháng 03 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: không), sinh năm 1985 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký thường trú: thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh T; Nơi cư trú: tổ 12, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đ; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Nghề nghiệp: buôn bán; Chức vụ, đảng phái: Không; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1937 (còn sống) và bà Đỗ Thị D, sinh năm 1945 (còn sống); vợ tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1984 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21-9-2020, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1329 ngày 29-9-2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B; Hiện nay, đang đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố B, có mặt tại phiên toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Trần Thái Thoan – Luật sư Công ty luật TNHH MTV Trần Thái – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai, có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Ông Trương Văn N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 39, Khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị M, sinh năm 1985. Địa chỉ: tổ 40, khu phố 4C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị M (sinh năm 1985, ngụ tại tổ 40, Khu phố 4C, phường T, thành phố B) có ghi số đề và vay nợ của Nguyễn Văn T với tổng số tiền là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) dẫn đến không có khả năng trả nợ. Do đó, T đã gọi điện nhờ Nguyễn Quốc Th (sinh năm 1986, ngụ Khu phố 4A, phường T, thành phố B) cùng đến nhà bà M để đòi nợ, T hứa sau khi đòi được tiền sẽ trả công cho Th một nửa số tiền bà M nợ thì Th đồng ý. Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 9 năm 2020, T điều khiển xe mô tô biển số 60N7-4168 chở theo Nguyễn Bá H (sinh năm 1995, ngụ xã T, huyện T, tỉnh Th, là người quen cùng quê với T), đến gặp Th tại phường T, thành phố B để rủ đi đến nhà bà M để đòi nợ. Sau đó, Th dẫn theo 02 người thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ) đi cùng. Khi thấy T cùng đồng bọn đến gọi cửa bà M sợ hãi nên đã bỏ trốn theo lối cửa sau nhà, nhưng bị Th và 02 người thanh niên đi cùng Th phát hiện đuổi theo giữ lại đưa bà M vào nhà. Khi vào trong nhà Th thấy có người quen nên bỏ ra ngoài cổng đứng đợi, còn H điều khiển chiếc xe mô tô biển số 60N7-4168 ra ngoài đầu hẻm ngồi uống nước. Lúc này, T cùng 02 người thanh niên đưa bà M vào nhà và đòi bà M số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm, sáu mươi triệu đồng) nhưng bà M không có tiền trả nên đã bị T dùng tay phải tát vào mặt, cùng lúc đó 02 người thanh niên đi cùng Th xông vào dùng tay chân đấm đá bà M. Lúc này T thấy trong nhà bà M có để nhiều xe mô tô, trong đó có chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B7-504.43 (Xe của ông Trương Văn N, sinh năm 1985, ngụ tổ 39, khu phố 4C, phường T, thành phố B, là người sống chung như vợ chồng với bà M) nên T và đồng bọn đã yêu cầu M phải viết giấy vay nợ để thế chấp chiếc xe này, khi nào có tiền trả cho T, T sẽ trả lại xe, nhưng ông N từ dưới nhà bếp đi lên và không đồng ý thì liền bị 01 người thanh niên đi cùng Th sử dụng chân tay đánh liên tiếp vào người, ông N dùng tay đánh lại thì bị 01 người thanh niên còn lại xông vào đánh cùng khiến ông N không dám chống cự. Một trong hai người đi cùng Th chạy xuống bếp lấy 02 con dao (kích thước lần lượt là 07cm x 20cm, 04cm x 20cm, đều có cán dài 10cm) lên đe dọa, do sợ hãi vì bị các đối tượng đánh đập nên bà M và ông N đã viết giấy vay nợ với nội dung vay của T số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) đồng thời thế chấp chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B7-504.43 cho T. Sau đó, T và đồng bọn lấy chiếc xe này cùng với tờ giấy vay nợ ra khỏi nhà bà M, sau đó 02 người thanh niên đi

về cùng với Th, còn T điều khiển chiếc xe mô tô trên ra đến đầu hẻm thì gặp H rồi đi về nhà trọ của T tại tổ 12, khu phố 3, phường A, thành phố B cất giữ. Đến ngày 21 tháng 9 năm 2020, bà M và ông N đã trình báo Công an phường T lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiến hành bắt khẩn cấp đối với T. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

* Vật chứng:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B7-504.43 là tang vật của vụ án đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa trả lại cho người bị hại là ông Trương Văn N.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Atila màu đen, biển số 60N7-4168 là phương tiện Nguyễn Văn T sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội.

- 02 giấy vay nợ tiền do bà Trần Thị M và ông Trương Văn N viết và ký tên theo yêu cầu của T và đồng bọn.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số SERI R58KC1J3M8J là phương tiện T sử dụng để gọi cho đối tượng tên Th.

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu đen trắng, số IMEI 352049/11/149843/3 thu giữ của Nguyễn Bá H, xét thấy không liên quan đến vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh Chúc Kim H (đại diện theo ủy quyền).

- 02 con dao thép màu trắng, cán nhựa màu đen (kích thước 07cm x 20cm; 04cm x 20cm) là hung khí các đối tượng lấy tại nhà của bà M và ông N sử dụng để đe dọa bà M và ông N, đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa trả lại cho ông N.

Tại kết luận định giá tài sản số 418/KL-HĐĐGTS ngày 25-9-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: "01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B7-504.43 có trị giá là 74.000.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu đồng)".

* Về trách nhiệm bồi thường dân sự: bị hại ông Trương Văn N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKSBH-HS ngày 27-12-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã mô tả và truy tố và không có ý kiến gì kết quả định giá tài sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 05 năm – 05 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Luật sư Trần Thái Thoan - Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T phát biểu quan điểm:

Về tội danh: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh phạm tội của bị cáo: do ức chế tâm lý về việc bà M mượn nợ không trả và nhận thức về pháp luật hạn chế nên khi người đi cùng đề xuất lấy chiếc xe bị cáo đã đồng ý, mục đích lấy chiếc xe này để làm tài sản thế chấp buộc bà M trả nợ, bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản của bà M, ông N.

Đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại về tài sản, gia đình bị cáo đã bồi thường tiền thuốc men cho ông N và bà M, cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội do lỗi của bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt, cho bị cáo có cơ hội sửa chữa, cải tạo bản thân trở thành một công dân có ích cho xã hội, sớm được trở về lao động nuôi sống bản thân và gia đình, T hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu có tại hồ sơ như: biên bản hỏi cung, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng. Đã có đủ cơ sở kết luận:

Xuất phát từ quan hệ vay mượn giữa Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M, do bà M không thanh toán nợ đến hạn nên bị cáo chở theo Nguyễn Bá H và rủ thêm Nguyễn Quốc Th, Th rủ thêm 02 người nữa đến nhà bà M để đòi nợ. Khi đến nhà bà M bỏ chạy nhưng bị nhóm của T giữ lại, bà M không có tiền trả nên T lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda SH, biển số 60B7-504.43 yêu cầu bà M viết giấy nhận nợ, khi nào có tiền trả thì cho chuộc xe. Lúc này, ông Trương Văn N ở nhà

dưới đi lên không đồng ý thế chấp xe thì liền bị 01 người thanh niên đi cùng Th sử dụng chân tay đánh liên tiếp vào người, ông N dùng tay đánh lại thì bị 01 người thanh niên còn lại xông vào đánh cùng, một người đi cùng Th chạy xuống bếp lấy 02 con dao (kích thước lần lượt là 07cm x 20cm, 04cm x 20cm, đều có cán dài 10cm) lên đe dọa khiến ông N, bà M không dám chống cự nên phải đồng ý viết giấy nợ và thế chấp xe.

Mặc dù, bị cáo không trực tiếp đánh bị hại nhưng những người mà bị cáo kêu đi cùng đã có hành vi dùng vũ lực ép buộc ông N phải viết giấy nợ và sau đó bị cáo lấy xe của ông N ra về. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Tài sản của bị cáo chiếm đoạt được Hội đồng định giá xác định có giá trị 74.000.000 đồng nên phạm vào tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự (có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng); cáo trạng số 19/CT-VKSBH ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố đối với bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chỉ vì từ quan hệ dân sự nhưng bị cáo đã không lựa chọn xử lý theo quy định của pháp luật mà đã gọi người đến dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản, xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương nên cần thiết phải có mức hình phạt thật nghiêm nhằm răn đe, cải tạo đối với bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại về tài sản; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, cha mẹ của bị cáo có công với cách mạng, bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại; do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố.

Đối với Nguyễn Quốc Th (sinh năm 1986, ngụ khu phố 4A, phường T, thành phố B) và 02 người thanh niên đi cùng Th, hành vi các đối tượng có dấu hiệu tội cướp tài sản với vai trò đồng phạm nhưng chưa được điều tra làm rõ. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra làm rõ.

Hành vi "ghi lô đề" của Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị M có dấu hiệu của tội "Đánh bạc" theo quy định của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại Trương Văn N đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh là đúng, mức hình phạt đề nghị phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần phù hợp.

- Đối với phần trình bày của các bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản điểm đ khoản 2 Điều 168; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cướp tài sản";

Xử phạt Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 21-9-2020.

Lưu kèm hồ sơ 02 giấy vay tiền đề ngày 20/9/2020 do bà Trần Thị M và ông Trương Văn N viết và ký tên theo yêu cầu của T và đồng bọn.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí.

3. Về kiến nghị của Hội đồng xét xử:

3.1 Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra làm rõ Nguyễn Quốc Th (sinh năm 1986, ngụ khu phố 4A, phường T, thành phố Biên Hòa) và 02 người thanh niên đi cùng Th về hành vi cướp tài sản với vai trò đồng phạm của Nguyễn Văn T.

3.2 Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra xử lý theo đúng quy định về hành vi có dấu hiệu của tội "Đánh bạc" giữa Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị M.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội – Công an thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**